

Số: /BC-CCKL

Bình Định, ngày tháng 9 năm 2024

## BÁO CÁO

### Đánh giá tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản số 2906/SNN-KHTH ngày 28/8/2024 về việc rà soát, báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2025 và đề xuất chỉ tiêu chủ yếu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Căn cứ Quyết định số 3333/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 tỉnh Bình Định, Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - xã hội đối với lĩnh vực lâm nghiệp, như sau:

#### I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2021 - 2025

Từ năm 2021- 2024, được sự quan tâm, chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh, sự phối hợp của các Sở, ngành, địa phương và các chủ rừng đã góp phần: Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất; phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, nâng tỷ lệ che phủ rừng đến năm 2023 đạt 57,32% và ước đến năm 2025, tỷ lệ che phủ rừng đạt 58%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học. Kết quả đạt được cụ thể như sau:

##### 1. Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

a) Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy chữa cháy rừng được thực hiện tương đối tốt, hàng năm các hạt kiểm lâm phối hợp với các đơn vị ở địa phương, chủ rừng tổ chức thực hiện tuần tra, kiểm tra, truy quét bảo vệ rừng; tổ chức lực lượng chốt chặn các điểm trọng yếu để ngăn chặn tình trạng khai thác, vận chuyển lâm sản; phối hợp với chính quyền cơ sở kiểm tra, ngăn chặn việc phá rừng, khai thác rừng, lấn, chiếm rừng trái pháp luật. Các hạt kiểm lâm đã tổ chức tuyên truyền qua Đài Truyền thanh cấp xã và phối hợp với các ban, mặt trận và hội đoàn thể ở địa phương tổ chức tuyên truyền pháp luật về bảo vệ rừng và PCCCR. Các đơn vị chủ rừng triển khai các biện pháp PCCCR ở cơ sở; thường xuyên theo dõi cấp dự báo cháy rừng, tổ chức tuần tra, kiểm tra rừng, nhất là những vùng trọng điểm, nguy cơ cháy rừng cao. Qua đó, góp phần bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có đến năm 2023 là 348.035,92 ha.

b) Thực hiện công tác khoán bảo vệ rừng 492.812 lượt ha/ kế hoạch 608.236 lượt ha, đạt 81% kế hoạch, ước đến năm 2025 đạt 100% kế hoạch. Khoán khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng 1.501 lượt ha/ kế hoạch 1.534 lượt ha, đạt 97,8% kế hoạch, ước đến năm 2025 đạt 100% kế hoạch.

c) Công tác bảo tồn đa dạng sinh học đang thực hiện tại các khu rừng đặc dụng: Khu Bảo tồn thiên nhiên An Toàn, huyện An Lão: 22.682,09 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa cảnh quan Núi Bà, huyện Phù Cát: 8.308,39 ha; Khu rừng lịch sử, văn hóa, cảnh quan Vườn Cam - Nguyễn Huệ, huyện Vĩnh Thạnh: 209,82 ha; Khu rừng lịch sử cảnh quan Quy Hòa - Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn: 1.639,35 ha.

## **2. Về phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng**

a) Diện tích trồng rừng tập trung giai đoạn 2021 - 2024 là 43.509 ha/kế hoạch 40.000 ha, đạt 108,8% kế hoạch, trong đó, trồng rừng gỗ lớn là 9.882 ha/kế hoạch 10.000 ha, đạt 98,8% kế hoạch, ước đến năm 2025 đạt 100% kế hoạch. Những năm gần, trồng rừng phòng hộ theo phương thức hỗn giao cây sinh trưởng nhanh (*Keo lai, Keo lá tràm, ...*) với các loài cây bản địa (*Sao đen, Lim xanh, ...*) đã góp phần nâng cao hiệu quả phòng hộ, phục hồi hệ sinh thái rừng, bảo vệ đa dạng sinh học. Đối với trồng rừng sản xuất chủ yếu là trồng lại rừng sau khai thác, rừng sản xuất được đầu tư theo hướng thâm canh, sử dụng cây giống chất lượng cao trong trồng rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng.

b) Năng suất rừng trồng bình quân năm 2020 là 20 m<sup>3</sup>/ha/năm, đến nay là 22 m<sup>3</sup>/ha/năm, đạt 100% kế hoạch giai đoạn 2021 - 2025; đối với rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, năng suất bình quân đạt 25 m<sup>3</sup>/ha/năm.

c) Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong sản xuất cây giống lâm nghiệp:

- 03 đơn vị áp dụng công nghệ nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống lâm nghiệp đã mở rộng quy mô sản xuất với diện tích nhà nuôi cấy mô được xây dựng từ 3.000 m<sup>2</sup> lên 5.500 m<sup>2</sup>, công suất sản xuất khoảng 50 triệu cây giống/năm, đã cung ứng ra thị trường khoảng 30 triệu cây giống/năm.

- Công ty TNHH lâm nghiệp Quy Nhơn đã phối hợp với Viện Nghiên cứu Giống và Công nghệ sinh học Lâm nghiệp thuộc Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam nghiên cứu, khảo nghiệm và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn công nhận 10 giống Keo lai và 2 giống Keo lá tràm có năng suất cao và chất lượng tốt phục vụ trồng rừng ở vùng Nam Trung Bộ, đây là những giống sinh trưởng nhanh, chất lượng tốt, có khả năng chống chịu gió bão để phục vụ trồng rừng gỗ lớn vùng Nam Trung Bộ.

d) Sản lượng gỗ từ rừng trồng đạt 4.444.590 tấn/kế hoạch 4.000.000 tấn, đạt 111,1% kế hoạch.

## **3. Về quản lý rừng bền vững**

a) 10/12 đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững, gồm: 03 Công ty TNHH Lâm nghiệp và 07 Ban Quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng. Hiện nay, 02/12 đơn vị (*Ban Quản lý rừng phòng hộ huyện:*

*Hoài Nhơn và Vân Canh*) đang hoàn chỉnh Phương án và dự kiến đến cuối năm 2024 sẽ được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Phương án, đạt 100% kế hoạch.

b) Diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC trên địa bàn tỉnh 12.175,9 ha/kế hoạch 10.000 ha, đạt 121,8% kế hoạch; trong đó: diện tích rừng tự nhiên 1.450,0 ha, diện tích khoanh nuôi tái sinh (khu vực bảo vệ ven suối) 217,0 ha, diện tích rừng trồng: 10.508,9 ha.

## **II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ**

### **1. Kết quả đạt được**

a) Công tác quản lý, bảo vệ, phát triển rừng được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, sự quan tâm phối hợp của các cấp, các ngành.

b) Cấp ủy, chính quyền các cấp và các đơn vị có liên quan đã triển khai thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Bí thư, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường các biện pháp bảo vệ, phát triển rừng và PCCCR nên đã có sự chuyển biến về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của một bộ phận nhân dân đối với sự nghiệp phát triển bền vững tài nguyên rừng, từ đó xác định được việc quản lý, bảo vệ và phát triển rừng là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác bảo vệ, phát triển rừng và phát triển ngành lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

c) Công tác phối hợp giữa các cấp, các ngành, lực lượng trong công tác quản lý, bảo vệ rừng tiếp tục được củng cố, tăng cường, góp phần nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, phát triển rừng.

d) Diện tích rừng tự nhiên, rừng trồng phòng hộ ven biển, rừng trồng phòng hộ, đặc dụng môi trường cảnh quan chủ yếu được giao khoán bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn sống ở gần rừng.

### **2. Tồn tại**

a) Công tác bảo vệ rừng nhìn chung được thực hiện tốt, nhưng rừng tự nhiên vẫn còn đối mặt với sự tác động của con người như: nạn phá rừng, khai thác gỗ trái phép; các giải pháp bảo tồn đa dạng sinh học chưa được quan tâm; biến đổi khí hậu ngày càng gay gắt; sinh trưởng của rừng trồng bị đe dọa bởi thời tiết cực đoan, như: nắng nóng kéo dài dễ xảy ra cháy rừng, gió bão gây đổ gãy, ... gây thiệt hại cho rừng trồng.

b) Các hoạt động sản xuất lâm nghiệp đã bước đầu thu hút sự tham gia của toàn xã hội và đang chuyển biến theo hướng phát triển lâm nghiệp xã hội với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn, tồn tại, như: Nhận thức của xã hội về vai trò, lợi ích của rừng và nghề rừng còn rất khác nhau; sự tham gia của người dân trong quá trình phát triển lâm nghiệp chưa cao, ...

### **3. Nguyên nhân**

a) Sản xuất lâm nghiệp có chu kỳ kinh doanh dài, rủi ro lớn, chủ yếu phụ thuộc vào thời tiết, mùa vụ; hiện trường sản xuất trải rộng, tập trung chủ yếu ở

vùng sâu, vùng xa, địa hình khó khăn phức tạp, hạ tầng thấp kém đặc biệt là đường giao thông đến các khu rừng; đời sống người dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí còn hạn chế. Những hạn chế này ảnh hưởng rất lớn đến công tác bảo vệ và phát triển rừng của tỉnh.

b) Do biến đổi khí hậu nên thời tiết diễn biến phức tạp, mùa khô hạn kéo dài dẫn đến nguy cơ xảy ra cháy rừng rất cao; gió bão trong mùa mưa gây gãy đổ rừng trồng, ...

c) Nhu cầu sử dụng đất sản xuất ngày càng lớn do sự gia tăng dân số, tốc độ đô thị hoá, giá gỗ nguyên liệu tăng dẫn đến nguy cơ xâm hại đến rừng tự nhiên là rất lớn, gây khó khăn trong công tác bảo vệ rừng.

d) Lực lượng kiểm lâm hiện chưa đủ biên chế so với diện tích rừng hiện có; các ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng đang quản lý diện tích rừng lớn nhưng chưa được bố trí đủ nhân lực chuyên trách bảo vệ rừng theo quy định hiện hành nên khó khăn trong công tác bảo vệ diện tích rừng được giao.

### **III. ĐỀ XUẤT CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

Kinh tế trong nước vẫn còn nhiều khó khăn, tiềm ẩn rủi ro, đặt ra nhiều thách thức cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030. Do đó, xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030 phải dựa trên cơ sở đánh giá đầy đủ kết quả thực hiện giai đoạn 2021-2025, các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và phù hợp với mục tiêu Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam, Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

#### **1. Mục tiêu**

a) Bảo vệ và xây dựng ổn định diện tích rừng tự nhiên hiện có, nâng cao chất lượng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, rừng sản xuất. Phát huy chức năng phòng hộ đầu nguồn, từ năm 2026 duy trì tỷ lệ che phủ rừng là 58%, góp phần cải thiện môi trường, cân bằng sinh thái, chống xói mòn, hạn chế thiên tai, tạo nguồn sinh thủy và bảo tồn tính đa dạng sinh học.

b) Hình thành các vùng rừng trồng gỗ lớn tập trung gắn với cấp chứng chỉ rừng trong tỉnh, cơ bản đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu phục vụ chế biến đồ gỗ tinh chế.

c) Thực hiện lồng ghép chương trình phát triển lâm nghiệp với các chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, góp phần tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo cho người dân địa phương.

#### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu phát triển lâm nghiệp giai đoạn 2026 - 2030**

a) Về bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học

Bảo vệ và phát triển bền vững đối với diện tích rừng hiện có và diện tích rừng được tạo mới trong giai đoạn 2021-2025 nhất là diện tích rừng thuộc quy hoạch lâm nghiệp. Thực hiện khoán bảo vệ rừng giai đoạn 2026-2030 của các

chương trình, dự án là 985.831,8 lượt ha (*bình quân 197.166 ha/năm*). Duy trì tỷ lệ che phủ rừng từ năm 2026 là 58%.

b) Về phát triển rừng và nâng cao năng suất, chất lượng rừng

- Kế hoạch trồng rừng tập trung giai đoạn 2026 - 2030 diện tích 40.000 ha (*bình quân 8.000 ha/năm*). Tiếp tục triển khai trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng theo Đề án phát triển cây gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2035; theo đó đến năm 2035, diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn đạt 30.000 ha.

- Nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng bình quân trên 20m<sup>3</sup>/ha/năm. Năng suất rừng trồng gỗ lớn tăng trưởng bình quân trên 25 m<sup>3</sup>/ha/năm, tỷ lệ sản lượng gỗ lớn bình quân đạt từ 50- 60%. Sản lượng khai thác gỗ từ rừng trồng giai đoạn 2026 - 2030 là 4.000.000 tấn.

- Phát triển, nâng cao năng lực sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho các cơ sở sản xuất giống cây lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh nhằm cung cấp đủ giống có chất lượng, chống chịu cao với sâu và bệnh hại, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tổ chức quản lý, phát triển sản xuất kinh doanh lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, gắn kinh doanh trồng rừng gỗ lớn với xây dựng chứng chỉ rừng và phát triển kinh tế tuần hoàn trong sản xuất lâm nghiệp.

c) Về quản lý rừng bền vững

- Khuyến khích các chủ rừng khác xây dựng và thực hiện quản lý rừng bền vững theo quy định của Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 và Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về Quản lý rừng bền vững.

- Duy trì diện tích rừng được cấp chứng chỉ FSC trên địa bàn tỉnh trên 12.000 ha.

#### **IV. GIẢI PHÁP ĐỂ ĐẠT ĐƯỢC CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI GIAI ĐOẠN 2026 – 2030**

##### **1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật**

Tăng cường tuyên truyền, giáo dục, phổ biến công tác bảo vệ và phát triển rừng cho nhân dân nhất là người dân ở các vùng rừng, ven rừng về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác bảo vệ và phát triển rừng; nâng cao ý thức xã hội về quản lý, bảo vệ rừng, PCCCR, phòng, chống chặt, phá rừng trái pháp luật; nâng cao nhận thức về phát triển lâm nghiệp bền vững, trồng rừng sản xuất gỗ lớn có năng suất, chất lượng cao, sử dụng lâm sản có nguồn gốc hợp pháp.

##### **2. Quản lý quy hoạch rừng và đất lâm nghiệp**

a) Quản lý chặt chẽ, rà soát, điều chỉnh kịp thời quy hoạch, kế hoạch, các dự án trên địa bàn tỉnh đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ và tuân thủ các định hướng về phát triển lâm nghiệp của tỉnh theo Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại

Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b) Thực hiện công tác giao rừng, cho thuê rừng thống nhất, đồng bộ với giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp theo quy định tại Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật lâm nghiệp.

c) Khuyến khích các hình thức liên doanh, liên kết hợp tác trong trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ rừng, đáp ứng nhu cầu nguyên liệu phục vụ chế biến đồ gỗ tinh chế; phát triển kinh tế tuần hoàn trong sản xuất lâm nghiệp.

### **3. Công tác khoa học công nghệ và khuyến lâm**

a) Triển khai thực hiện các đề tài khoa học nghiên cứu, chọn tạo cải thiện giống cây rừng, kỹ thuật thâm canh rừng trồng và phát triển rừng trồng gỗ lớn đáp ứng được nhu cầu nguyên liệu phục vụ chế biến đồ gỗ tinh chế.

b) Khuyến khích các doanh nghiệp tiếp tục đầu tư và nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị sản xuất giống cây lâm nghiệp ứng dụng các công nghệ mới để nâng cao năng lực sản xuất và chất lượng cây giống lâm nghiệp.

c) Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác theo dõi diễn biến rừng và đất lâm nghiệp: ứng dụng phần mềm hệ thống cảnh báo cháy rừng; hệ thống phát hiện nhanh điểm cháy; phần mềm cập nhật diễn biến rừng; phần mềm thông kê các vụ vi phạm pháp luật lâm nghiệp; ...

### **4. Huy động các nguồn vốn**

a) Thực hiện đa dạng nguồn vốn để thực hiện chương trình, dự án. Tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh nghiệp và vận động tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; vốn đối ứng, tham gia đóng góp của người dân. Sử dụng có hiệu quả tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh.

b) Lồng ghép các dự án phát triển lâm nghiệp với các chương trình, dự án xóa đói giảm nghèo, phát triển nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn;

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng KH-TH Sở;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**